TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21.9.2022.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương.

2. Ông Dương Hồng Vinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Ngọc Hiếu - là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Phạm Viết Diệu Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐHPT ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1995 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, Thành phố R, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Võ Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, 02 vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt hàng ngày, anh T không chịu khó làm ăn để vun vén cho hạnh

phúc gia đình, thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt, dẫn đến nợ nần, dù đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy không thay đổi, do đó từ đầu năm 2021 chị về lại nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng đã không còn tình cảm yêu thương, quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Võ Văn T.

Về con chung: quá trình chung sống, chị và anh Võ Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Mỹ H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 04/5/2022, bị đơn anh Võ Văn T trình bày: anh và chị H1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân, nay chị H1 yêu cầu ly hôn nên anh đồng ý.

Về con chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do anh Võ Văn T vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng pháp luật; nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H1 nộp đơn xin ly hôn với anh Võ Văn T (cư trú tại: thôn F, xã G, huyện H, tỉnh Bình Thuận), căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Võ Văn T lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Võ Văn T theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn: Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án xác định được chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Võ Văn T có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Bình Thuận vào năm 2013. Quá trình chung sống, giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Võ Văn T phát sinh nhiều mâu thuẫn trong thời gian dài, hiện nay hai bên đã không còn chung sống, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại bản tự khai ngày 04/5/2022 anh Võ Văn T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H1, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần giấy triệu tập và tiến hành các phiên hòa giải nhưng anh Võ Văn T đều vắng mặt, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị H1. Như vậy có thể khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Võ Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy việc chị Nguyễn Thị Mỹ H1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Võ Văn T là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu nuôi con: chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Võ Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Võ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa có cơ sở, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: chị Nguyễn Thị Mỹ H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H1, chị Nguyễn Thị Mỹ H1 được ly hôn anh Võ Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006287 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Thuận; Chị Nguyễn Thị Mỹ H1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: chị Nguyễn Thị Mỹ H1 và anh Võ Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nàng Hương